Mẫu số 38-DS NQ01/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THAN UYÊN** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 41/2019/QĐST-HNGĐ	*Than Uyên, ngày 02 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điều 33, điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điều 357, điều 468 của Bộ luật dân sự .

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 6 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 47/2019/ TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 về: "*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Tú, sinh năm: 1997.

Địa chỉ: Thôn Yên Trung, xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Danh Tuân, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Bản Nam, xã Ta Gia, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Đỗ Danh Đức, sinh năm: 1966

Địa chỉ: Bản Nam, xã Ta Gia, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

- Chị Đỗ Thị Tú và anh Đỗ Danh Tuân đã giải quyết bằng quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 34/2019/QĐST - HNGĐ ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về chia tài sản chung:* Chị Đỗ Thị Tú và anh Đỗ Danh Tuân có mua 01 chiếc xe ô tô trong thời kỳ hôn nhân, chiếc xe ô tô mang biển kiểm soát: 89C-179.07 hiện mang tên chủ sở hữu Đỗ Danh Đức (là bố đẻ của anh Đỗ Danh Tuân). Anh Tuân và chị Tú thỏa thuận như sau:

Anh Đỗ Danh Tuân được toàn quyền sở hữu, sử dụng chiếc xe ô tô mang biển kiểm soát: 89C- 179.07 mang tên ông Đỗ Danh Đức trị giá 780.000.000 đồng. Hiện chiếc xe nêu trên anh Tuân đang sử dụng, anh Đỗ Danh Tuân có nghĩa vụ thanh toán phần chênh lệch chia tài sản chung cho chị Đỗ Thị Tú số tiền là 390.000.000 đồng. Như vậy anh Tuân và chị Tú mỗi người được hưởng phần tài sản chung có trị giá là 390.000.000 đồng

Phương thức, thời gian thanh toán 01 lần vào ngày 24 tháng 7 năm 2019 anh Tuân có nghĩa vụ thanh toán cho chị Tú toàn bộ số tiền 390.000.000 đồng *(Ba trăm chín mươi triệu đồng)*.

Chị Tú nhất trí với số tiền, phương thức và thời gian thanh toán tiền như trên.

Ông Đỗ Danh Đức (bố đẻ anh Tuân) đồng ý tặng cho anh Đỗ Danh Tuân và chị Đỗ Thị Tú chiếc xe ô tô mang biển kiểm soát: 89C- 179.07 mang tên ông.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, chị Tú có đơn yêu cầu Thi hành án nếu anh Tuân chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng anh Tuân còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về công nợ: Anh Đỗ Danh Tuân và chị Đỗ Thị Tú không nợ ai và không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 17.600.000 đồng *(Mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng)*.

Anh Đỗ Danh Tuân và chị Đỗ Thị Tú mỗi người phải chịu 8.800.000 đồng *(Tám triệu tám trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Xác nhận chị Tú đã nộp 21.000.000 đồng *(Hai mươi mốt triệu đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2010/0004167 ngày 23/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Chị Tú được hoàn trả lại 12.200.000 đồng (*Mười hai triệu hai trăm nghìn đồng*), anh Tuân chưa nộp số tiền án phí có giá ngạch là 8.800.000 đồng *(Tám triệu tám trăm nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh;
- VKS huyện TU;
- THA huyện TU;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phương